

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/DS-ST

Ngày: 21 - 6 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 25/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Tuyết N, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Lô 12D3, khóm Hòa Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 38/5, khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết N trình bày:

Do quen biết, vào ngày 15/5/2015 âm lịch, bà Nhung có cho vợ chồng bà Diễm, ông Tuấn tham gia 01 dây hụi tháng 5.000.000 đồng do bà làm chủ. Hụi bắt đầu khai vào ngày 15/5/2015 âm lịch, mãn tháng 12/2016, gồm 20 phần, vợ chồng bà Diễm, ông Tuấn tham gia 01 phần (đã hót đầu), sau khi trừ huê hồng 2.500.000 đồng thì được số tiền là 73.500.000 đồng, có làm biên nhận giao tiền hụi cùng ngày do vợ chồng bà Diễm, ông Tuấn ký nhận. Biên nhận nợ hụi, ngày 15/5/2015 thì bà Nhung trực tiếp ghi, còn bà Diễm và ông Tuấn chỉ ký tên. Ông Tuấn mang họ “Huỳnh” nhưng do không rành về chữ nghĩa nên trong biên nhận bà ghi nhầm là họ “Quỳnh”. Do bà Diễm, ông Tuấn hót đầu nên hụi chết mà vợ chồng ông bà phải châu lại 19 phần với số tiền là 95.000.000 đồng, tuy nhiên vợ chồng bà Diễm, ông Tuấn chỉ châu được 44.400.000 đồng và còn nợ lại 50.600.000 đồng. Hiện nay dây hụi này đã mãn nhưng bà Diễm, ông Tuấn không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi như đã thỏa thuận nên bà Nhung khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Công T và bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 50.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Huỳnh Công T và bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết N, buộc ông Huỳnh Công T và bà Nguyễn Thị D cùng có trách nhiệm trả cho bà Nhung số tiền nợ hụi là 50.600.000 đồng và chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nhung về việc không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu ông Tuấn, bà Diễm trả tiền nợ hụi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh ngày 07/01/2021 của Công an phường Mỹ Thạnh thì ông Tuấn, bà Diễm có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Tuấn, bà Diễm bằng phương thức niêm yết công khai tại địa chỉ số 38/5 khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Đây là địa chỉ nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đồng thời tại biên bản xác minh ngày 07/01/2021 của Công an phường Mỹ Thạnh xác định: “*Đương sự Nguyễn Thị D, sinh năm: 1984 và Huỳnh Công T, sinh năm: 1977, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú số 38/5 khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang*”. Việc ông Tuấn, bà Diễm đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Tuấn và bà Diễm.

[2.2] Việc bà Nhung trình bày, do không rành chữ nghĩa nên ghi sai họ của ông Tuấn từ họ “Huỳnh” thành họ “Quỳnh” và tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 bà Nhung xác định ông Tuấn có họ tên là: Huỳnh Công T, sinh năm 1977; địa chỉ: số 38/5 khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ngày 02/4/2021, Tòa án tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Tuấn theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì được Công an phường Mỹ Thạnh cung cấp tại địa chỉ số 38/5 khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang có ông Huỳnh Công T, sinh năm: 1977 nên nguyên đơn cho rằng việc ghi nhầm họ của ông Tuấn từ họ “Huỳnh” thành họ “Quỳnh” là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đồng thời, bà Nhung xác nhận biên nhận ngày 15/5/2015, do sai sót trong việc tính toán số liệu nên đã ghi nhầm số tiền giao hội cho ông Tuấn, bà Diễm là 73.500.000 đồng thành 73.600.000 đồng; tại các biên bản hòa giải không được, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các ngày 27/01/2021, 22/4/2021 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/4/2021 bà Nhung đều xác nhận ngày mở hội là ngày 15/4/2014 âm lịch là chưa chính xác, tại phiên tòa bà xác nhận chính xác ngày mở hội là ngày 15/5/2015 âm lịch theo sổ hội đã giao nộp cho Tòa án.

[2.3] Về xem xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2020, bà Nhung yêu cầu bà Diễm, ông Tuấn trả số tiền nợ hội là 50.600.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 29/9/2017 cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; quá trình hòa giải bà Nhung yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện. Tại phiên tòa, bà Nhung thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Diễm, ông Tuấn trả số tiền nợ hội là 50.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nhung không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nhung.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà Nhung khởi kiện căn cứ vào biên nhận ngày 15/5/2015, sổ hội, danh sách hội viên, sổ ghi chép lịch trả tiền nên có cơ sở xác định giữa bà Nhung và vợ

chồng ông Tuấn, bà Diễm có xác lập hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

[3.2] Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng ông Tuấn, bà Diễm vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời ông Tuấn, bà Diễm cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như không thực hiện được quyền tranh luận tại phiên tòa để chứng minh cho quyền lợi của mình là lỗi của ông Tuấn và bà Diễm.

[3.3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Nhung đã xuất trình chứng cứ là sổ hụi, danh sách hụi viên và biên nhận ngày 15/5/2015 do ông Tuấn và bà Diễm cùng ký tên xác nhận nợ hụi. Qua nhiều lần thanh toán thì đến ngày 29/9/2017, bà Nhung đã chốt lại số tiền nợ hụi của ông Tuấn, bà Diễm còn thiếu là 50.600.000 đồng. Như vậy, ông Tuấn, bà Diễm còn nợ bà Nhung số tiền hụi là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nay ông Tuấn, bà Diễm vi phạm nghĩa vụ của thành viên, căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16 và Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về hụi, họ, biên, phường, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nhung là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó cần buộc ông Tuấn, bà Diễm có nghĩa vụ trả cho bà Nhung số tiền nợ hụi là 50.600.000 đồng.

[4] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của bà Nhung được chấp nhận nên bà Nhung không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Huỳnh Công T và bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 150, Điều 244, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về hụi, họ, biên, phường;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Tuyết N.

Buộc ông Huỳnh Công T và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết N số tiền nợ hui là 50.600.000 đồng (*năm mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Công T và bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.530.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Bà Trương Thị Tuyết N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007873 ngày 07/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[3] Về quyền kháng cáo:

Bà Trương Thị Tuyết N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Huỳnh Công T và bà Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TP Long Xuyên;
- VKS TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung

